

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 11 – 4 - 2018

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang – Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT - HNGĐ ngày 08/3/2018 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ -ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018 /QĐ- PT ngày 27/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thân Nhân C1, sinh năm 1980 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Dương Thị N1, sinh năm 1982 (có mặt)

Đều trú tại: thôn CĐ, xã NV, TY, Bắc Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Chị Dương Thị N1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn xin ly hôn nhận ngày 17/10/2017, bản tự khai ngày 26/10/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2017 thì nguyên đơn là Anh Thân Nhân C1 trình bày:

Anh kết hôn với Chị Dương Thị N1 ngày 23/10/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7/2016, do anh phải đi làm xa, ít về nhà nên chị N1 nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và thiếu tin tưởng đối với nhau. Tháng 4/2017, anh đã nộp đơn xin ly hôn nhưng vì muốn cải thiện quan hệ tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nên anh đã rút đơn xin ly hôn nhưng cũng không có kết quả. Vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân đến nay. Thấy tình cảm không còn, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N1.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Thân Nhân C2 sinh ngày 21/11/2002 và Thân Nhân Đ1 sinh ngày 21/3/2005 hiện đang ở cùng chị N1. Trong đơn khởi kiện ban đầu anh đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận về con chung nhưng do chị N1 có nguyện vọng nếu phải ly hôn thì xin được nuôi cả hai con chung nên anh cũng đồng ý và đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: anh không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh C1 giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh đồng ý để chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung với chị N1 1.500.000 đồng/con/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2017 thì bị đơn là Chị Dương Thị N1 trình bày:

Chị và Anh Thân Nhân C1 đăng ký kết hôn năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2016, anh C1 đi làm công trình xa nhà và đã có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên ít khi về nhà và cũng không quan tâm đến chị và các con. Kể từ tháng 02/2017 đến nay, anh C1 đã xa lánh và từ chối sự quan tâm chị. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh C1 nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C1;

Về con chung: nguyện vọng của chị muốn vợ chồng về đoàn tụ nên chị không có yêu cầu xem xét về con chung nhưng nếu phải ly hôn thì chị đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận;

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: chị không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: chị N1 giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với anh C1 và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi hai con chung với chị 1.500.000 đồng/con/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang xử:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Nhân C1 được ly hôn Chị Dương Thị N1.

2. Về con chung: giao cho Chị Dương Thị N1 tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung là Thân Nhân C2, sinh ngày 21/11/2002 và Thân Nhân Đ1, sinh ngày 21/3/2005;

Anh Thân Nhân C1 cấp dưỡng nuôi hai con chung với chị N1 mức 1.500.000 đồng/con/ tháng kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn, anh C1 được quyền thăm nom con chung. Chị N1 và gia đình không được cản trở việc thăm nom con chung theo quy định;

3. Về án phí: Anh Thân Nhân C1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003914 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY.

Anh C1 còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm xử, ngày 09/02/2018 bị đơn Chị Dương Thị N1 nộp đơn kháng cáo bản án đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của anh C1 để vợ chồng chị được đoàn tụ với nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Chị Dương Thị N1 trình bày: Vợ chồng chị kết hôn ngày 23/11/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Tình cảm vợ chồng rất hòa thuận, yêu thương nhau không có mâu thuẫn. Bắt đầu cuối năm 2016 khi anh C1 đi làm trên

Lai Châu đã ngoại tình, từ đó về ruồng dẫy chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị đề nghị được đoàn tụ với anh C1. Chị không đồng ý ly hôn. Chị đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn xin ly hôn của anh C1.

Về con chung, tài sản chung và các vấn đề liên quan đến tài sản chị không có ý kiến gì.

Nguyên đơn Anh Thân Nhân C1 trình bày:

Sau khi án sơ thẩm xử xong, anh nhất trí án sơ thẩm xử. Vợ chồng anh trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thương yêu nhau.

Tình cảm vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2016 anh đi làm ăn xa nhà, khi về chị Ngà cứ ghen tuông cho rằng anh có người phụ nữ khác. Do vậy, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N1.

Về con chung, tài sản chung như án sơ thẩm giải quyết, anh nhất trí không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của các đương sự thì tình cảm vợ chồng anh C1, chị N1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, án sơ thẩm xử là có căn cứ.

Chị N1 kháng cáo nhưng không đưa ra được các biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị N1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Thân Nhân C1 và Chị Dương Thị N1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do mâu thuẫn vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh C1 làm đơn xin ly hôn chị N1, Tòa án thụ lý vụ kiện, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Án sơ thẩm xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh C1 – Chị N1 là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã xử cho Anh Thân Nhân C1 được ly hôn Chị Dương Thị N1 và giải quyết vấn đề con chung.

Chị N1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết bác đơn xin ly hôn của anh C1.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị N1 HĐXX thấy rằng: Anh Thân Nhân C1 và Chị Dương Thị N1 kết hôn từ năm 2001. Tình cảm vợ chồng anh chị hòa thuận, thương yêu nhau đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N1 cho rằng anh C1 ngoại tình nên ruồng dẫy chị, anh C1 thì cho rằng do anh đi làm xa nên về chị N1 ghen tuông cho rằng anh có người phụ nữ khác nên vợ chồng mâu thuẫn.

Trong hồ sơ có lời khai của mẹ anh C1, chú ruột anh C1 xác định từ cuối năm 2016 anh C1 có người phụ nữ khác nên về muốn ly hôn vợ, những người thân của anh C1 thấy tình cảm vợ chồng anh C1 không mâu thuẫn gì. Tuy nhiên anh C1 không thừa nhận ngoại tình. Song, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng Chị Dương Thị N1 và Anh Thân Nhân C1 chưa có mâu thuẫn lớn, chưa đến mức trầm trọng, cuộc sống chung vẫn có thể tiếp tục và mục đích hôn nhân vẫn đạt được. Do vậy, việc anh C1 xin ly hôn chị N1 chưa đủ căn cứ cho ly hôn theo khoản

1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần bác đơn xin ly hôn của Anh Thân Nhân C1 và chấp nhận đơn kháng cáo của Chị Dương Thị N1.

Do Hội đồng xét xử bác đơn xin ly hôn của anh C1 nên vấn đề con chung, tài sản chung và các vấn đề liên quan đến tài sản của anh C1, chị N1 Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí cấp dưỡng. Chị Dương Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị N1 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Chị Dương Thị N1 sửa bản bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác đơn khởi kiện của Anh Thân Nhân C1 yêu cầu xin ly hôn Chị Dương Thị N1.

Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thân Nhân C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003914 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Dương Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Chị Dương Thị N1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự

phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001832 ngày 12/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã NV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Thân Quốc Hùng